

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2022

“V/v: ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính;

2. Bà Nguyễn Thị Việt Sáu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê – Thư ký Tòa án nhân thành phố PT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên .

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PT, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 222/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 244A/2021/TB-TA ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự.

***/ Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P1, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

***/ Bị đơn:** Ông Bùi Ngọc Q, sinh năm 1970

Địa chỉ: số 277/50 H, khu phố 2, phường P1, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Ngọc Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P2, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2012, ngày 25/6/2012. Trong quá trình chung sống bà và ông Q không hợp nhau thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: không có con chung
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Ngọc Q vắng mặt.***

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 2, Phường P1, thành phố PT. Tòa án đã thông báo cho ông Q biết việc bà L yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: “Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa” theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con không có. Về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Q có nơi cư trú tại khu phố 2, phường P1, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

Tại phiên tòa hôm nay vẫn không có mặt ông Q chứng tỏ ông Q đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà L.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Ngọc Q là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND phường P2, thành phố PT theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2012, Quyền sở số 01/2011 ngày 25/6/2012. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông Q phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi Tòa án thông báo cho ông Q biết việc bà L xin ly hôn với ông nhưng ông Q vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Ngọc Q đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường P2, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 102/2012, Quyền sở số 01/2012 ngày 25/6/2012. Qua tự khai và phần trình bày của bà L tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà L và ông Q không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà L và ông Q hiện đã sống ly thân từ 3 năm nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Ngọc Q là hoàn toàn chính đáng. Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà L thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà L được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có con chung

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Bùi Ngọc Q

- **Về con chung**: không có con chung:

- **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về án phí**: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003983 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của bà Nguyễn Thị L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/01/2022). Quyền kháng cáo của ông Bùi Ngọc Q là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.PT;
- Chi cục THA dân sự TP.PT;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Dũng